TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2026/DS-ST Ngày 16 - 01 - 2026 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Vui.

Bà Lê Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2025/TLST - DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Ngọc Đ**, sinh năm: 1974; địa chỉ: C ấp A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Ngọc Đ): Bà Nguyễn Thụy Hồng T, sinh năm: 1991; địa chỉ: G, ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2025); có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị T1**, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Ngọc Đ) là bà Nguyễn Thụy Hồng T trình bày:

Bà Đ có cho bà Võ Thị T1 vay tiền nhiều lần với lãi suất 1.66%/ tháng. Cụ thể như sau:

- Ngày 5/6/2022 số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

- Ngày 10/6/2022 số tiền là: 10.000.000 (mười triệu đồng);

- Ngày 17/6/2022 số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Ngày 21/6/2022 số tiền là: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

- Ngày 14/7/2022 số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

- Ngày 25/7/2022 số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Ngày 01/8/2022 số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Ngày 18/8/2022 số tiền là: 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Ngày 17/9/2022 số tiền là: 5.000.000 (năm triệu đồng);

- Ngày 13/11/2022 số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng cộng số tiền các lần vay trên là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu đồng). Mỗi lần vay tiền bà T1 đều hứa trong thời gian 01 tháng sẽ trả lại tiền gốc cho bà Đ. Tuy nhiên sau đó bà T1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận, không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà Đ. Do vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Võ Thị T1 phải trả lại cho bà Lê Ngọc Đ số tiền gốc là 140.000.000đồng.

Buộc bà Võ Thị T1 phải trả tiền lãi tính trên số tiền gốc 140.000.000đồng theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, kể từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2025, văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt ngày 30/12/2025, bị đơn là bà Võ Thị T1 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu bà trả lại cho bà Đ số tiền 142.324.000đồng (bao gồm cả gốc và lãi) thì bà đồng ý trả đủ số tiền nêu trên cho bà Đ. Nhưng do hiện tại điều kiện kinh tế đang khó khăn, nên xin hoãn lại đợi đến khi chuyển nhượng được số đất thì sẽ trả đủ cho bà Đ. Bà T1 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Ngọc Đ khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thụy Hồng T và bị đơn là bà Võ Thị T1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án

không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà T, bà T1 là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bà Đ yêu cầu bà T1 trả số nợ gốc là 140.000.000đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Đ có cung cấp 06 (sáu) tờ giấy kẻ ngang, không có tiêu đề, có nội dung bà T1 mượn tiền của bà Đ, do bà T1 tự viết, ký và ghi họ tên. Bà T1 đã nhận được các chứng cứ nêu trên do bà Đ cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với các chứng cứ này.

Về phía bà T1, mặc dù vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nhưng có gửi cho Tòa án bản tự khai và văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt ngày 30/12/2025, theo đó bà T1 thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền gốc là 140.000.000đồng, đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà Đ. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với bà T1 là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T1 trả lãi đối với số tiền đã vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 18/9/2025) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Xét thấy, đây là khoản vay có thời hạn và có lãi, bà Đ yêu cầu bà T1 trả lãi đối với tổng số tiền vay 140.000.000đồng tính từ thời điểm nộp đơn khởi kiện cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; đồng thời bà T1 cũng đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Đ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ về tiền lãi.

Tiền lãi từ ngày 18/9/2025 đến ngày 16/01/2025 được tính cụ thể như sau: 140.000.000đồng x (10% : 12) x 03 tháng x 29 ngày = 4.609.000đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Lê Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà Võ Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x (140.000.000đồng + 4.609.000đồng) = 7.230.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Ngọc Đ đối với bị đơn là bà Võ Thị T1.

Buộc bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Ngọc Đ số tiền nợ vay là 144.609.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm lẻ chín ngàn đồng), trong đó bao gồm: 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 4.609.000đ (bốn triệu sáu trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền lãi.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Bà Lê Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.558.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011725 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[2.2] Bà Võ Thị T1 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.230.000đ (bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Lê Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Võ Thị T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền